

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN EVERLAND

Địa chỉ: Tầng 3, toà nhà 97-99 Láng Hạ, P. Láng Hạ, Q. Đống Đa, TP Hà Nội, Việt Nam.

Điện thoại: (+84-24) 66668080

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN EVERLAND

Quý I năm 2024

Hà Nội, Ngày 26 tháng 04 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2024

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	1	2	3	4	5
A	Tài sản ngắn hạn	100		2.957.355.388.141	2.719.632.458.662
<i>I</i>	<i>Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	<i>110</i>	<i>V.01</i>	<i>115.859.220.712</i>	<i>129.089.188.082</i>
1	Tiền	111		65.859.220.712	52.589.188.082
2	Các khoản tương đương tiền	112		50.000.000.000	76.500.000.000
<i>III</i>	<i>Các khoản phải thu ngắn hạn</i>	<i>130</i>		<i>1.790.150.547.337</i>	<i>1.678.454.455.149</i>
1	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	285.577.756.309	271.326.327.548
2	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.03	318.657.173.292	414.754.870.842
3	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		406.600.000.000	195.580.000.000
4	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.04.1	779.315.617.736	796.793.256.759
<i>IV</i>	<i>Hàng tồn kho</i>	<i>140</i>		<i>1.049.537.146.769</i>	<i>910.636.307.337</i>
1	Hàng tồn kho	141	V.05	1.049.537.146.769	910.636.307.337
<i>V</i>	<i>Tài sản ngắn hạn khác</i>	<i>150</i>		<i>1.808.473.323</i>	<i>1.452.508.094</i>
1	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.06	45.422.691	86.718.525
2	Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.762.987.719	1.365.789.569
3	Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153		62.913	-
B	Tài sản dài hạn	200		886.885.548.481	881.509.903.747
<i>I</i>	<i>Các khoản phải thu dài hạn</i>	<i>210</i>		<i>66.315.372.150</i>	<i>66.235.372.150</i>
1	Phải thu dài hạn khác	216	V.04.2	66.315.372.150	66.235.372.150
<i>II</i>	<i>Tài sản cố định</i>	<i>220</i>		<i>1.072.150.168</i>	<i>997.878.686</i>
1	Tài sản cố định hữu hình	221	V.07	1.072.150.168	997.878.686
	- Nguyên giá	222		5.716.235.364	5.530.785.364
	- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(4.644.085.196)	(4.532.906.678)
<i>IV</i>	<i>Tài sản dở dang dài hạn</i>	<i>240</i>		<i>150.000.000</i>	<i>150.000.000</i>
1	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		150.000.000	150.000.000
<i>V</i>	<i>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</i>	<i>250</i>		<i>813.805.889.879</i>	<i>811.124.454.878</i>
1	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.08	554.305.189.879	551.623.754.878
2	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.08	244.500.700.000	244.500.700.000
5	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		15.000.000.000	15.000.000.000
<i>VI</i>	<i>Tài sản dài hạn khác</i>	<i>260</i>		<i>5.542.136.284</i>	<i>3.002.198.033</i>
1	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.06	5.542.136.284	3.002.198.033
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		3.844.240.936.622	3.601.142.362.409

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2024

(tiếp theo)

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số cuối kỳ
C	Nợ phải trả	300		1.204.780.637.579	971.831.846.448
I	Nợ ngắn hạn	310		681.346.533.628	448.397.742.497
1	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.09	238.210.584.201	131.689.593.201
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.10	301.610.188.385	204.186.831.231
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11	21.045.412.058	20.400.335.612
4	Phải trả người lao động	314		845.053.878	957.847.628
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	315		5.529.636.740	6.452.944.191
7	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.12	619.008.728	1.774.888.698
8	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.13	105.078.195.751	74.649.848.049
9	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		8.408.453.887	8.285.453.887
II	Nợ dài hạn	330		523.434.103.951	523.434.103.951
1	Phải trả dài hạn khác	337	V.12	377.400.000	377.400.000
8	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.13	523.000.000.000	523.000.000.000
11	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		56.703.951	56.703.951
D	Vốn chủ sở hữu	400		2.639.460.299.043	2.629.310.515.961
I	Vốn chủ sở hữu	410	V.14	2.639.460.299.043	2.629.310.515.961
1	Vốn góp của chủ sở hữu	411		2.152.498.360.000	2.152.498.360.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		2.152.498.360.000	2.152.498.360.000
2	Thặng dư vốn cổ phần	412		(706.800.000)	(706.800.000)
2	Quỹ đầu tư phát triển	418		39.602.907.773	39.602.907.773
3	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		81.822.581.055	75.634.578.897
	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		75.511.831.949	44.876.177.734
	- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		6.310.749.106	30.758.401.163
4	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429		366.243.250.215	362.281.469.291
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		440		3.844.240.936.622	3.601.142.362.409

Ngày 26 tháng 04 năm 2024

Người lập biểu



Nguyễn Thu Ngân

Kế toán trưởng



Phạm Văn Trọng

Tổng giám đốc



Nguyễn Thúc Cẩn

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN EVERLAND

Địa chỉ: Tầng 3, toà nhà 97-99 Láng Hạ, P. Láng Hạ, Q. Đống Đa, TP Hà Nội, Việt Nam.
Điện thoại: (+84-24) 66668080

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ báo cáo
kết thúc tại ngày 31/03/2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**Quý I năm 2024**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý I		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này		
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	Năm trước
1	2	3	4	5	6	7	
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	143.443.612.194	285.214.582.674	143.443.612.194	285.214.582.674	
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.02	28.703.593	-	28.703.593	-	
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		143.414.908.601	285.214.582.674	143.414.908.601	285.214.582.674	
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.03	134.000.798.411	276.617.296.663	134.000.798.411	276.617.296.663	
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		9.414.110.190	8.597.286.011	9.414.110.190	8.597.286.011	
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.04	1.286.875.541	541.714.151	1.286.875.541	541.714.151	
7. Chi phí tài chính	22	VI.05	1.810.456.120	-	1.810.456.120	-	
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		1.810.456.120	-	1.810.456.120	-	
8. Phần lãi, lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	24		2.681.316.901	1.651.828.273	2.681.316.901	1.651.828.273	
9. Chi phí bán hàng	25	VI.06	1.115.545.133	1.749.097.800	1.115.545.133	1.749.097.800	
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.07	2.847.368.318	2.857.381.916	2.847.368.318	2.857.381.916	
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)+24+(25+26)}	30		7.608.933.061	6.184.348.719	7.608.933.061	6.184.348.719	
12. Thu nhập khác	31		254.153.724	113.734.140	254.153.724	113.734.140	
13. Chi phí khác	32		263.825.124	448.636.232	263.825.124	448.636.232	
14. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(9.671.400)	(334.902.092)	(9.671.400)	(334.902.092)	

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN EVERLAND

Địa chỉ: Tầng 3, toà nhà 97-99 Láng Hạ, P. Láng Hạ, Q. Đống Đa, TP Hà Nội, Việt Nam.

Điện thoại: (+84-24) 66668080

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ báo cáo
kết thúc tại ngày 31/03/2024

15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50	7.599.261.661	5.849.446.627	7.599.261.661	5.849.446.627
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.08	1.445.039.576	1.054.685.068	1.445.039.576
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	-	-	-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60	6.544.576.593	4.404.407.051	6.544.576.593	4.404.407.051
19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61	6.310.749.106	4.291.085.734	6.310.749.106	4.291.085.734
20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát	62	233.827.487	113.321.317	233.827.487	113.321.317
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.09	20	29	20

Người lập biểu

Nguyễn Thu Ngân

Kế toán trưởng

Phạm Văn Trọng

Ngày 26 tháng 04 năm 2024

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thúc Cán

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Theo phương pháp gián tiếp
 Tại ngày 31 tháng 03 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay (01/01/2024- 31/03/2024)	Năm trước (01/01/2023- 31/03/2023)
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động SX-KD			
1.Lợi nhuận trước thuế	01	7.599.261.661	5.849.446.627
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐS đầu tư	02	111.178.518	104.498.331
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(1.166.411.977)	(541.714.151)
- Chi phí lãi vay	06	1.810.456.120	
2.Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	8.354.484.322	5.412.230.807
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	98.000.918.491	(46.001.978.160)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(138.900.839.432)	(10.673.958.306)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11	202.319.732.071	82.388.086.203
- Tăng giảm chi phí trả trước	12	(2.498.642.417)	72.803.688
- Tiền lãi vay đã trả	14	(1.810.456.120)	
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(1.005.506.738)	
- Tiền thu khác từ hoạt động sản xuất kinh doanh	16	-	124.887.555
- Tiền chi khác từ hoạt động sản xuất kinh doanh	17	(456.670.797)	(1.191.501.610)
3.Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh	20	164.003.019.380	30.130.570.177
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(185.450.000)	(448.896.672)
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(333.000.000.000)	
4.Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	121.980.000.000	
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(6.000.000.000)	
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.166.411.977	541.714.151
4.Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(216.039.038.023)	92.817.479
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	42.171.987.007	
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(11.743.639.305)	
7. Tiền thu từ vốn góp của cổ đông không kiểm soát	37	-	
5.Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	30.428.347.702	-

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay (01/01/2024-31/03/2024)	Năm trước (01/01/2023-31/03/2023)
6. Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50= 20+30+40)	50	(21.607.670.941)	30.223.387.656
7. Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	137.466.891.653	30.282.114.819
8. Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	115.859.220.712	60.505.502.475

Ngày 26 tháng 04 năm 2024

Người lập biểu



Nguyễn Thu Ngân

Kế toán trưởng



Phạm Văn Trọng



Tổng Giám Đốc

Nguyễn Thúc Cẩn

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2024 đến 31/03/2024

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Tập đoàn Everland ("Công ty"), hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần mã số doanh nghiệp: 0104228175 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 27/10/2009, cấp thay đổi lần thứ 25 ngày 09/06/2023.

Cổ phiếu của công ty đã chính thức được giao dịch tại Sở giao dịch thành phố Hồ Chí Minh kể từ ngày 08 tháng 06 năm 2017 theo quyết định số 170/QĐ-SGDHCM ngày 26 tháng 05 năm 2017 của Sở giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh

Trụ sở chính: Tầng 3, toà nhà 97-99 Láng Hạ, P. Láng Hạ, Q. Đống Đa, TP Hà Nội, Việt Nam.

2 **Lĩnh vực kinh doanh:** Kinh doanh bất động sản

3 **Ngành nghề kinh doanh**

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất;
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu.

4 **Cấu trúc doanh nghiệp**

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2024, Công ty có các công ty con như sau:

STT	Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ góp vốn	Tỷ lệ quyền biểu quyết
1	Công ty Cổ phần Everland Vân Đồn	Tòa nhà Mai Quyền Paradise, thôn 1, xã Hạ Long, huyện Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh	60,00%	60,00%
2	Công ty Cổ phần Everland Phú Yên	Tầng 3, toà nhà 97-99 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, TP.Hà Nội	91,25%	91,25%
3	Công ty Cổ phần Đầu Tư Xuân Đài Bay	Tầng 3, toà nhà 97-99 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, TP.Hà Nội	90,00%	90,00%
4	Công ty Cổ phần Meta Tour	Tầng 3, toà nhà 97-99 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, TP.Hà Nội	90,00%	90,00%

Công ty Cổ phần Tập đoàn Everland

Địa chỉ: Tầng 3, toà nhà 97-99 Láng Hạ, P. Láng Hạ, Q. Đống Đa, TP Hà Nội, Việt Nam.

Điện thoại: (+84-24) 66668080

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ báo cáo

kết thúc tại ngày 31/03/2024

5	Công ty Cổ phần Kingsun Việt Nam	Tầng 3, toà nhà 97-99 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, TP.Hà Nội	60,00%	60,00%
---	----------------------------------	--	--------	--------

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2024, Công ty liên kết trực tiếp của công ty là:

STT	Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ góp vốn	Tỷ lệ quyền biểu quyết
1	Công ty Cổ phần Everland An Giang	Tầng 5, Tòa nhà 47-49 đường Trương Định, phường Võ Thị Sáu, quận 3, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	45,83%	45,83%

Ngoài ra, Tại ngày 31 tháng 03 năm 2024, Công ty có các chi nhánh và văn phòng đại diện như sau:

STT	Tên chi nhánh	Địa chỉ	Hình thức
1	Công ty Cổ phần Tập đoàn Everland – Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh	Tòa nhà 47 – 49 Trương Định, phường Võ Thị Sáu, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Hạch toán độc lập
2	Công ty Cổ phần Tập đoàn Everland – Văn phòng Đại diện tại Phú Yên	Số 23 Phạm Văn Đồng, phường Xuân Yên, thị xã Sông Cầu, Phú Yên, Việt Nam	Hạch toán phụ thuộc
3	Công ty Cổ phần Tập đoàn Everland – Chi nhánh Đồng Tháp	Số 167D Nguyễn Tất Thành, khóm 3, phường 1, thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam	Hạch toán phụ thuộc
4	Công ty Cổ phần Tập đoàn Everland – Chi nhánh Quảng Ninh	Số F43 khu đô thị Cảng Ngọc Châu, phường Tuần Châu, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh	Hạch toán phụ thuộc
5	Công ty Cổ phần Tập đoàn Everland – Chi nhánh Vĩnh Phúc	Số 66 Nguyễn Du, phường Khai Quang, TP Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam	Hạch toán phụ thuộc

II. KỶ KẾ TOÁN NĂM, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- Kỳ kế toán năm: bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch
Kỳ kế toán giữa niên độ: bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 30/06 năm dương lịch
- Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán, lập và trình bày báo cáo tài chính là: Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng: Công ty và các công ty con áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và các quyết định ban hành chuẩn mực kế toán Việt Nam, các thông tư sửa đổi hướng dẫn, bổ sung các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành. và có hiệu lực đến thời điểm kết thúc kỳ kế toán năm và tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

- Tuyên bố tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán:
Công ty và các công ty con đã áp dụng tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do nhà nước ban hành. Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày theo quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán Việt Nam và chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

Bất động sản được mua hoặc được xây dựng để bán hoặc để cho thuê dài hạn đáp ứng được điều kiện ghi nhận doanh thu một lần trong quá trình hoạt động bình thường của Công ty và các công ty con, không phải để cho thuê hoặc chờ tăng giá, được ghi nhận là hàng tồn kho theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá thành của hàng tồn kho bao gồm:

- Chi phí tiền sử dụng đất và tiền thuê đất;
- Chi phí xây dựng trả cho nhà thầu; và
- Chi phí lãi vay, chi phí tư vấn thiết kế, chi phí san lấp, đền bù giải phóng mặt bằng, chi phí tư vấn, thuế chuyển nhượng đất, chi phí quản lý xây dựng chung và các chi phí liên quan khác.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường, dựa trên giá thị trường vào ngày báo cáo và trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Giá vốn bất động sản đã bán được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất dựa trên chi phí trực tiếp tạo thành bất động sản đó và chi phí chung được phân bổ trên cơ sở diện tích tương ứng của bất động sản đó.

Hàng tồn kho khác

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được, được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành việc bán hàng.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho: Giá trị hàng tồn kho cuối năm được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Công ty và các công ty con áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

4 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 01 năm được phân loại là Tài sản ngắn hạn.

Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 01 năm được phân loại là Tài sản dài hạn.

Các khoản phải thu được phản ánh theo giá trị ghi sổ sau khi trừ đi dự phòng các khoản phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được lập dựa trên giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đến thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý trong năm.

5 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo giá gốc bao gồm giá mua và những chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản sẵn sàng vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được thanh lý hay bán, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được khấu hao theo thời gian sử dụng ước tính và theo phương pháp khấu hao đường thẳng. Thời gian khấu hao được tính theo thời gian khấu hao quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Loại tài sản	Thời gian KH
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 50 năm
Máy móc thiết bị	03 - 12 năm
Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
Thiết bị quản lý	03 - 10 năm
Tài sản cố định khác	03 - 05 năm
Tài sản cố định vô hình	03 - 50 năm

6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

Khấu hao tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao của tài sản cố định vô hình được ước tính phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013

7 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Công ty và các công ty con có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao và hao mòn bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	50 năm
Quyền sử dụng đất	lâu dài

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm thanh lý.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

8 Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư vào các công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty và các công ty con có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào liên doanh

Các khoản đầu tư vào các công ty liên doanh mà trong đó Công ty và các công ty con có quyền đồng kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên doanh sau ngày Công ty và các công ty con có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Công ty và các công ty con. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

Dự phòng giảm giá trị các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 26 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

9 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

10 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước ngắn hạn: Là các loại chi thực tế đã phát sinh có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hợp nhất có thời hạn không quá 12 tháng tại thời điểm báo cáo.

Chi phí trả trước dài hạn: Là các loại chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hợp nhất có thời hạn trên 12 tháng kể từ thời điểm trả trước.

Công ty và các công ty con tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp.

11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty và các công ty con đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

12 Các khoản ứng trước

Các khoản tiền khách hàng ứng trước để mua nhà ở, căn hộ trong tương lai mà chưa đủ điều kiện để ghi nhận là doanh thu trong năm được phản ánh trong tài khoản “Người mua trả tiền trước” trong phần nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Các khoản tiền nhận được từ khách hàng, dưới hình thức hợp đồng đặt cọc và hợp đồng khác được phản ánh trong tài khoản “Phải trả khác” trong phần nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

13 Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần là phần phụ trội do phát hành cổ phiếu với giá cao hơn so với mệnh giá.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán, điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước và điều chỉnh theo các quy định khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

14 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư và phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng và phúc lợi: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

15 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu chuyển nhượng bất động sản

Doanh thu chuyển nhượng bất động sản được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản được chuyển giao cho người mua.

Doanh thu bất động sản cũng bao gồm doanh thu ghi nhận một lần từ việc cho thuê dài hạn bất động sản. Trường hợp thời gian cho thuê chiếm trên 90% thời gian sử dụng hữu ích của tài sản, Công ty và các công ty con lựa chọn phương pháp ghi nhận doanh thu một lần đối với toàn bộ số tiền cho thuê nhận trước nếu thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- Bên cho thuê không có quyền hủy ngang hợp đồng thuê và doanh nghiệp cho thuê không có nghĩa vụ phải trả lại số tiền nhận trước trong mọi trường hợp và dưới mọi hình thức;
- Số tiền nhận trước từ việc cho thuê không nhỏ hơn 90% tổng số tiền cho thuê dự kiến thu được theo hợp đồng trong suốt thời hạn cho thuê và bên đi thuê phải thanh toán toàn bộ số tiền thuê trong vòng 12 tháng kể từ thời điểm khởi đầu thuê tài sản;
- Hầu như toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuê đã chuyển giao cho bên đi thuê;

- Doanh thu cho thuê phải ước tính được tương đối đầy đủ giá vốn của hoạt động cho thuê.

Doanh thu cho thuê bất động sản

Doanh thu cho thuê bất động sản được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê.

Doanh thu từ bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty và các công ty con không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty và các công ty con đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Thu nhập từ hoạt động tài chính

Thu nhập phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty và các công ty con được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

16 Ghi nhận chi phí tài chính, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Chi phí hoặc lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán, đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết.

Các khoản trên được ghi nhận theo số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp:

Là các khoản chi phí gián tiếp phục vụ cho hoạt động phân phối sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ ra thị trường và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty và các công ty con. Mọi khoản chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của năm đó khi chi phí đó không đem lại lợi ích kinh tế trong các năm sau.

17 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế (nếu có) và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.
- Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có)
- Thuế suất thuế TNDN hiện hành: 20%.
- Việc xác định chi phí thuế TNDN căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế TNDN tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.
- Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên cơ sở chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất: Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày dựa trên các nguyên tắc và phương pháp kế toán cơ bản: cơ sở dồn tích, hoạt động liên tục, giá gốc, phù hợp, nhất quán, thận trọng, trọng yếu, bù trừ và có thể so sánh. Báo cáo tài chính hợp nhất do Công ty lập không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán hay các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Các bên liên quan: Một bên được xem là bên liên quan đến Công ty và các công ty con nếu có khả năng kiểm soát Công ty và các công ty con hay có ảnh hưởng trọng yếu đến các quyết định tài chính và hoạt động của Công ty và các công ty con.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	14.357.297.771	2.072.080.601
Tiền gửi ngân hàng	51.501.922.941	50.517.107.481
Các khoản tương đương tiền	50.000.000.000	76.500.000.000
Cộng	115.859.220.712	129.089.188.082

2 Phải thu khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
2.1 Phải thu của khách hàng không là các bên liên quan	284.140.552.405	268.017.431.342
Công ty TNHH Thương mại Hà Vĩnh	89.825.749.583	22.080.575.026
Công ty Cổ phần Thương Mại Mango Việt Nam	9.159.612.000	259.955.596
Công ty Cổ phần Quốc tế Phương Anh	29.130.865.733	79.790.782.288
Công ty Cổ phần tập đoàn R&H	6.225.724.631	8.792.740.888
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển nhà và Đô thị Vinahud	31.828.007.242	23.725.875.206
Công ty TNHH Tập Đoàn Xây dựng DELTA	116.191.856.497	103.280.543.642
Công ty CP NamHa Indusone	-	22.608.862.980
Các đối tượng khác	1.778.736.719	7.478.095.716
2.2 Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	1.437.203.904	3.308.896.206
Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Quốc tế CRH	291.053.907	644.624.440
Công ty Luật TNHH Vietthink	1.144.073.016	2.593.109.909
Công ty Cổ phần Everland Vĩnh Phúc	2.076.981	71.161.857
Cộng	285.577.756.309	271.326.327.548

3. Trả trước cho người bán

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
3.1 Trả trước cho người bán không là các bên liên quan	318.657.173.292	414.754.870.842
Công Ty Cổ phần Bất Động Sản Và Xây Dựng Kinh Bắc	15.992.733.874	63.381.515.788
Công Ty TNHH Xây Dựng Và Thương Mại An Thuận	92.739.000.000	130.910.561.504
Công ty TNHH Tập đoàn Xây dựng Delta	11.567.610.943	22.388.783.279
Công ty TNHH Đầu tư và Xây Dựng Hùng Quân	70.872.000.000	70.872.000.000
Công ty TNHH đầu tư xây dựng Unicons	46.049.970.281	49.732.865.888
Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại dịch vụ Hoàng Nguyên	41.483.000.000	41.483.000.000
Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng Vĩnh Hoàng	26.496.000.000	26.496.000.000
Các đối tượng khác	13.456.858.194	9.490.144.383
Cộng	318.657.173.292	414.754.870.842

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN EVERLAND

Địa chỉ: Tầng 3, toà nhà 97-99 Láng Hạ, P. Láng Hạ, Q. Đống Đa, TP Hà Nội, Việt Nam.

Điện thoại: (+84-24) 66668080

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ báo cáo

kết thúc tại ngày 31/03/2024

4. Phải thu khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
4.1 Phải thu khác ngắn hạn	779.315.617.736	-	796.793.256.759	-
Tạm ứng	139.940.999.000	-	120.596.675.000	-
Lãi cho vay ngắn hạn	1.696.985.928	-	1.298.216.458	-
Công ty Liên doanh TNHH Phát triển đô thị mới An Khánh (1)	637.500.000.000	-	637.500.000.000	-
Công ty CP Bất động sản và Xây dựng Kinh Bắc			30.300.000.000	
Công Ty TNHH Đầu Tư và Xây Dựng Hùng Quân			6.898.365.301	
Phải thu khác	177.632.808	-	200.000.000	-
4.2 Phải thu khác dài hạn	66.315.372.150	-	66.235.372.150	-
Ký cược, ký quỹ	1.615.372.150	-	1.535.372.150	-
Công ty Cổ phần Tập Đoàn Đầu tư BĐS Thiên Minh (3)	64.200.000.000	-	64.200.000.000	-
Dự án BT Phú Yên	500.000.000	-	500.000.000	-
	845.630.989.886	-	863.028.628.909	-

(1): Hợp đồng đặt cọc số: HH5/2023/HĐĐC/AK-EVG ngày 11/08/2023 để thực hiện chuyển nhượng một phần Dự án Khu đô thị mới Bắc An Khánh tại Ô đất HH5.

(2): Hợp đồng hợp tác đầu tư số: 99/2021/HĐHTĐT/EVG-THIENMINH ngày 01/04/2021 giữa Công ty và Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Đầu Tư Bất Động Sản Thiên Minh để cùng triển khai thực hiện Dự án Khu đô thị New City tại phường Núi San, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang. Đã được Ủy ban nhân dân thành phố Châu Đốc về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu đô thị The New City, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang theo quyết định số 325/QĐ-UBND ngày 02/4/2021.

5. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng gửi bán	8.136.256.035	-	19.538.235.155	-
Nguyên liệu, vật liệu	-	-	-	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	961.180.253.118	-	823.740.278.652	-
Hàng hóa	80.220.637.616	-	67.357.793.530	-
	1.049.537.146.769	-	910.636.307.337	-

6. Chi phí trả trước

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Ngắn hạn	45.422.691	86.718.525
Chi phí phân bổ công cụ dụng cụ	10.769.278	40.849.246
Chi phí mua bảo hiểm ngắn hạn	8.540.325	6.488.064
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	26.113.088	39.381.215
- Dài hạn	5.542.136.284	3.002.198.033
Chi phí phân bổ công cụ dụng cụ	25.291.631	31.997.816
Chi phí trả trước dài hạn khác	5.516.844.653	2.970.200.217
Cộng	5.587.558.975	3.088.916.558

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN EVERLAND

Địa chỉ: Tầng 3, toà nhà 97-99 Láng Hạ, P. Láng Hạ, Q. Đống Đa, TP Hà Nội, Việt Nam.
 Điện thoại: (+84-24) 66668080

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất
 Cho kỳ báo cáo
 kết thúc tại ngày 31/03/2024

7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
I. NGUYÊN GIÁ						
Số dư đầu năm	0	383.636.364	4.888.849.000	258.300.000	-	5.530.785.364
- Mua trong năm	-	185.450.000	-	-	-	185.450.000
- Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm		569.086.364	4.888.849.000	258.300.000	-	5.716.235.364
II. GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư đầu năm	0	383.636.364	3.912.401.506	236.868.808	-	4.532.906.678
- Khấu hao trong năm	-	6.680.187	102.598.332	1.899.999	-	111.178.518
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ		390.316.551	4.014.999.838	238.768.807	-	4.644.085.196
III. GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
- Tại ngày đầu kỳ	-	-	976.447.494	21.431.192	-	997.878.686
- Tại ngày cuối kỳ	-	178.769.813	873.849.162	19.531.193	-	1.072.150.168

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN EVERLAND

Địa chỉ: Tầng 3, toà nhà 97-99 Láng Hạ, P. Láng Hạ, Q. Đống Đa, TP Hà Nội, Việt Nam.

Điện thoại: (+84-24) 66668080

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ báo cáo
kết thúc tại ngày 31/03/2024

8. Đầu tư vào công ty liên kết

	Số cuối kỳ				Số đầu năm	
	Giá gốc	Lãi/lỗ lũy kế	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Lãi/lỗ lũy kế	Giá trị hợp lý
1 Công ty Cổ phần Everland An Giang (1)	550.000.000.000	4.305.189.879	554.305.189.879	550.000.000.000	1.623.754.878	551.623.754.878
Cộng	550.000.000.000	4.305.189.879	554.305.189.879	550.000.000.000	1.623.754.878	551.623.754.878

(1) Công ty Cổ phần Everland An Giang hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê,... Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0317140817 do Sở kế hoạch và đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 26/01/2022.

9. Phải trả người bán

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả người bán ngắn hạn		
- Phải trả người bán là các bên không liên quan	238.210.584.201	131.689.593.201
Công ty TNHH Thiết bị Hùng Phát	-	196.268.904
Công ty CP Xây dựng & Dịch vụ Thương Mại Phương Nam 135	7.914.271.270	8.290.892.670
Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng UNICONS	18.592.725.181	3.551.480.760
Công ty Cổ Phần Xây Dựng và Thương Mại An Thuận	25.106.320.761	-
Công ty TNHH đầu tư và xây dựng Hùng Quân	1.778.669.107	3.193.858.360
Công ty Cổ phần tư vấn xây dựng Tổng Hợp	-	2.056.485.455
Công ty TNHH Tập đoàn Xây dựng Delta	153.521.163.293	81.847.413.315
Công ty CP Bê tông và Xây dựng Bắc Đô	8.282.586.900	5.213.981.300
Công ty cổ phần BKT	12.550.298.670	17.085.819.765
Công ty TNHH Artelia Việt Nam	2.795.965.623	2.819.122.242
Công ty CP địa ốc Home & Home	2.389.859.612	3.205.567.374
Các đối tượng khác	5.278.723.784	4.228.703.056
- Phải trả người bán là các bên liên quan	-	-
Cộng	238.210.584.201	131.689.593.201

10. Người mua trả tiền trước

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Người mua trả tiền trước ngắn hạn		
- Dài hạn	301.610.188.385	204.186.831.231
Người mua trả tiền trước không là các bên liên quan	301.610.188.385	204.186.831.231
Khách hàng khác	301.610.188.385	204.186.831.231
Cộng	301.610.188.385	204.186.831.231

11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
- Thuế GTGT	7.883.068.563	574.660.367	1.314.004	8.456.414.926
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	12.448.668.434	1.062.719.798	1.002.038.597	12.509.349.635
- Thuế thu nhập cá nhân	68.598.615	33.311.919	22.263.037	79.647.497
- Thuế các loại thuế khác	-	21.000.000	21.000.000	-
Cộng	20.400.335.612	1.691.692.084,0	1.046.615.638	21.045.412.058

12. Phải trả khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả khác ngắn hạn</i>	<i>619.008.728</i>	<i>1.774.888.698</i>
Bảo hiểm xã hội	298.828.469	104.228.900
Bảo hiểm Y Tế	55.466.917	19.071.000
Bảo hiểm thất nghiệp	24.621.747	9.560.600
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	240.000.000	240.000.000
Phải trả, phải nộp khác	91.595	1.402.028.198
<i>Phải trả khác dài hạn</i>	<i>377.400.000</i>	<i>377.400.000</i>
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	377.400.000	377.400.000
Cộng	<u>996.408.728</u>	<u>2.152.288.698</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN EVERLAND**Thuyết minh báo cáo tài chính**

Địa chỉ: Tầng 3, toà nhà 97-99 Láng Hạ, P. Láng Hạ, Q. Đống Đa, TP Hà Nội, Việt Nam.

Quý I năm 2024

Điện thoại: (+84-24) 66668080

kết thúc tại ngày 31/03/2024

13. Vay và nợ thuế tài chính

Khoản mục	Số cuối kỳ		Trong kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
13.1						
Vay ngắn hạn	105.078.195.751	74.649.848.049	42.171.987.007	11.743.639.305	74.649.848.049	74.649.848.049
Ngân hàng TMCP Quân Đội	1.578.500.000	1.650.000.000	1.578.500.000	1.650.000.000	1.650.000.000	1.650.000.000
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	29.999.695.751	12.999.848.049	27.093.487.007	10.093.639.305	12.999.848.049	12.999.848.049
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam (2)	73.500.000.000	60.000.000.000	13.500.000.000	-	60.000.000.000	60.000.000.000
Vay dài hạn	523.000.000.000	523.000.000.000	-	-	523.000.000.000	523.000.000.000
Ngân hàng TMCP phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (1)	523.000.000.000	523.000.000.000			523.000.000.000	523.000.000.000
Tổng cộng	628.078.195.751	597.649.848.049	42.171.987.007	11.743.639.305	597.649.848.049	597.649.848.049

13.2

(1): Vay Ngân hàng TMCP phát triển Thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng cấp tín dụng Số: 12058/23MB/HĐTĐ ký ngày 22/08/2023 số tiền cấp tín dụng là 523.000.000.000 đồng thời hạn cấp tín dụng là 31/08/2026 . Mục đích sử dụng vốn vay là: Cho vay đặt cọc theo Hợp đồng đặt cọc HHS/2023/HĐĐC/AK-EVG ngày 11/08/2023 để thực hiện chuyển nhượng một phần Dự án Khu đô thị mới Bắc An Khánh tại Ô đất HH5, Dự án Khu đô thị mới Bắc An Khánh, Xã An Khánh, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội.

(2): Vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam theo Hợp đồng cấp tín dụng Số: 2890LAV202301798 ký ngày 20/10/2023 số tiền cấp tín dụng là 100.000.000.000 đồng thời hạn cấp tín dụng là 20/10/2024, Lãi suất 8%/năm .

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN EVERLAND

Địa chỉ: Tầng 3, toà nhà 97-99 Láng Hạ, P. Láng Hạ, Q. Đống Đa, TP Hà Nội, Việt Nam.

Điện thoại: (+08-24) 66668080 - Fax: (+84 -24) 32001234

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ báo cáo

kết thúc tại ngày 31/03/2024

14. Vốn chủ sở hữu**14.1. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

Chỉ tiêu	Đơn vị tính: VND						
	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Cộng	
A	1	2	3	5	6	7	
- Số dư đầu năm trước	2.152.498.360.000	(706.800.000)	37.297.100.174	48.418.359.425	361.040.495.652	2.598.547.515.251	
- Tăng vốn trong năm		-	-	30.758.401.163	676.951.269	31.435.352.432	-
- Lãi trong năm		-	2.305.807.599	(2.305.807.599)	-	-	-
- Trích quỹ ĐTPT 2023		-	-	(1.152.903.800)	-	(1.152.903.800)	-
- Trích quỹ KTPL 2023		-	-	(492.000.000)	-	(492.000.000)	-
- Thù lao BKS, BGD 2023		-	-	-	972.852.078	972.852.078	-
- Tăng/giảm do hợp nhất		-	-	408.829.708	(408.829.708)	-	-
-Tăng do điều chỉnh sai sót lợi ích cổ đông không kiểm soát tại ngày 31/12/2022		-	-	-	-	-	-
- Tăng/(giảm) khác		-	-	(300.000)	-	(300.000)	-
- Số dư đầu năm nay	2.152.498.360.000	(706.800.000)	39.602.907.773	75.634.578.897	362.281.469.291	2.629.310.515.961	
- Lãi trong năm		-	-	6.310.749.106	233.827.487	6.544.576.593	-
- Trích quỹ ĐTPT 2024		-	-	-	-	-	-
- Trích quỹ KTPL 2024		-	-	(123.000.000)	-	(123.000.000)	-
- Thù lao BKS, BGD 2024		-	-	-	3.727.953.437	3.727.953.437	-
- Tăng/giảm do hợp nhất		-	-	253.052	-	253.052	-
- Giám khác		-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	2.152.498.360.000	(706.800.000)	39.602.907.773	81.822.581.055	366.243.250.215	2.639.460.299.043	

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN EVERLAND**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất**

Địa chỉ: Tầng 3, toà nhà 97-99 Láng Hạ, P. Láng Hạ, Q. Đống Đa, TP Hà Nội, Việt Nam

Cho kỳ báo cáo

Điện thoại: (+84-24) 66668080

kết thúc tại ngày 31/03/2024

14.2. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vốn góp của các Cổ đông	2.152.498.360.000	2.152.498.360.000
Ông Lê Đình Vinh	566.691.000.000	566.691.000.000
Ông Nguyễn Thúc Cẩn	161.437.500.000	161.437.500.000
Công ty TNHH Dream House Asia	116.850.000.000	116.850.000.000
Các cổ đông khác	1.307.519.860.000	1.307.519.860.000
Cộng	2.152.498.360.000	2.152.498.360.000

14.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vốn góp của chủ sở hữu	2.152.498.360.000	2.152.498.360.000
+ Vốn góp đầu năm	2.152.498.360.000	2.152.498.360.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	2.152.498.360.000	2.152.498.360.000
Cổ tức và lợi nhuận đã chia	-	-
Cộng	2.152.498.360.000	2.152.498.360.000

15.4. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	215.249.836	215.249.836
- Số lượng cổ phiếu đã bán cho công chúng	215.249.836	215.249.836
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	215.249.836	215.249.836
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	215.249.836	215.249.836
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	215.249.836	215.249.836
Cộng	215.249.836	215.249.836

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 đồng/1 cổ phiếu

15 Các quỹ của doanh nghiệp

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Quỹ đầu tư phát triển	39.602.907.773	39.602.907.773
Cộng	39.602.907.773	39.602.907.773

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1 Doanh thu

	Từ 01/01/2024 đến 31/03/2024	Từ 01/01/2023 đến 31/03/2023
Doanh thu bán nguyên vật liệu, hàng hóa	134.669.914.911	282.936.584.784
Doanh thu xây lắp	-	-
Doanh thu cung cấp dịch vụ	8.773.697.283	2.277.997.890
Cộng	143.443.612.194	285.214.582.674

2 Các khoản giảm trừ doanh thu

	Từ 01/01/2024 đến 31/03/2024	Từ 01/01/2023 đến 31/03/2023
+ Hàng bán bị trả lại	28.703.593	-
Cộng	28.703.593	-

3 Giá vốn hàng bán

	Từ 01/01/2024 đến 31/03/2024	Từ 01/01/2023 đến 31/03/2023
Giá vốn bán nguyên vật liệu, hàng hóa	127.188.608.795	275.424.703.555
Giá vốn hoạt động xây lắp	-	-
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	6.812.189.616	1.192.593.108
Cộng	134.000.798.411	276.617.296.663

4 Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2024 đến 31/03/2024	Từ 01/01/2023 đến 31/03/2023
Lãi tiền gửi ngân hàng, cho vay	1.286.875.541	541.714.151
Cộng	1.286.875.541	541.714.151

5 Chi phí tài chính

	Từ 01/01/2024 đến 31/03/2024	Từ 01/01/2023 đến 31/03/2023
Chi phí lãi vay	1.810.456.120	-
Cộng	1.810.456.120	-

6 Chi phí bán hàng

	Từ 01/01/2024 đến 31/03/2024	Từ 01/01/2023 đến 31/03/2023
Chi phí nhân viên bán hàng	1.115.320.133	1.749.097.800
Chi phí dịch vụ mua ngoài	225.000	-
Cộng	1.115.545.133	1.749.097.800

7 Chi phí quản lý doanh nghiệp	Từ 01/01/2024 đến 31/03/2024	Từ 01/01/2023 đến 31/03/2023
Chi phí nhân viên quản lý	1.247.455.164	1.844.233.866
Chi phí đồ dùng văn phòng	24.983.424	65.805.230
Chi phí KH TSCĐ	104.498.331	104.498.331
Thuế phí, lệ phí	19.335.500	13.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	828.818.500	810.550.272
Chi phí bằng tiền khác	622.277.399	19.294.217
Cộng	2.847.368.318	2.857.381.916
8 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp		
Chỉ tiêu	Từ 01/01/2024 đến 31/03/2024	Từ 01/01/2023 đến 31/03/2023
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1.054.685.068	1.445.039.576
Trong đó, thuế TNDN tại từng Công ty		
Thuế TNDN phải nộp tại công ty mẹ	625.865.880	1.338.828.343
Thuế TNDN phải nộp tại công ty Cổ phần Everland Vân Đồn	55.404.546	60.554.811
Thuế TNDN phải nộp tại công ty Cổ phần Đầu tư Xuân Đài Bay	148.683.425	10.442.474
Thuế TNDN phải nộp tại công ty Cổ phần Everland Phú Yên	224.731.217	35.213.948
Công ty Cổ phần Meta Tour	-	
9 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Từ 01/01/2024 đến 31/03/2024	Từ 01/01/2023 đến 31/03/2023
Lợi nhuận kế toán sau thuế của cổ đông Công ty	6.310.749.106	4.291.085.734
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông Công ty	6.310.749.106	4.291.085.734
Quỹ khen thưởng phúc lợi dự kiến trích theo NQĐHCH	-	
Cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong kỳ (*)	215.249.836	215.249.726
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	29	20

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN EVERLAND

Địa chỉ: Tầng 3, toà nhà 97-99 Láng Hạ, P. Láng Hạ, Q. Đống Đa, TP Hà Nội, Việt Nam.

Điện thoại: (+84-24) 66668080

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ báo cáo

kết thúc tại ngày 31/03/2024

VII NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1 Tên tổ chức/cá nhân có liên quan**

<i>STT</i>	<i>Tên tổ chức/cá nhân có liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
1	Công ty Cổ phần Everland Phú Yên	Công ty con
2	Công ty Cổ phần Everland Vân Đồn	Công ty con
3	Công ty Cổ phần Đầu Tư Xuân Đài Bay	Công ty con
4	Công ty Cổ phần Meta Tour	Công ty con
5	Công ty Cổ phần Kingsun Việt Nam	Công ty con
6	Công ty Cổ phần Everland An Giang	Công ty liên kết
7	Công ty Cổ phần đầu tư và Dịch vụ Quốc tế CRH	Ông Lê Đình Tuấn – Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Tập đoàn Everland là Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Quốc tế CRH
8	Công ty Cổ phần Everland Vĩnh Phúc	Ông Nguyễn Thúc Cẩn – Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Everland là Chủ tịch HĐQT Công ty CP Everland Vĩnh Phúc.
9	Công ty Luật TNHH Vietthink	Ông Lê Đình Vinh – Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Tập đoàn Everland là Giám đốc Công ty Luật TNHH Vietthink

2. Báo cáo bộ phận**Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Năm nay	Doanh thu theo bộ phận	Chi phí theo bộ phận	KQKD theo bộ phận
Kinh doanh thương mại	134.669.914.911	126.735.422.234	7.934.492.677
Thi công, xây lắp	0	-	-
Kinh doanh dịch vụ	8.744.993.690	7.265.376.177	1.479.617.513
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			-
Cộng	143.414.908.601	134.000.798.411	9.414.110.190
Lãi lỗ trong các công ty liên kết			2.681.316.901
Doanh thu hoạt động tài chính			1.286.875.541
Chi phí hoạt động tài chính			1.810.456.120
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			3.962.913.451
Lợi nhuận thuần từ HĐ SXKD			7.608.933.061

3. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính quý này là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành, và Báo cáo tài chính hợp nhất quý 1 năm 2023 được lập bởi Công ty Cổ phần tập đoàn Everland.

Người lập biểu



Nguyễn Thu Ngân

Kế toán trưởng



Phạm Văn Trọng

Hà Nội, Ngày 26 tháng 04 năm 2024

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thúc Cẩn